

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 15/2023/DS-ST

Ngày: 07/02/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiên

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Mai Văn Cười

- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Thị L, sinh năm xxxx. (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp X, xã TP, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Phạm Thị L1, sinh năm xxxx. (*vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: Ấp X, xã TP, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:**

Do chỗ quen biết nên năm 2021, bà có cho bà L1 vay tiền 03 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, với các lần vay cụ thể như sau: Ngày 15/9/2021 vay 15.000.000 đồng; ngày 29/10/2021 vay 15.000.000 đồng và ngày 05/11/2021 vay 20.000.000 đồng. Các lần vay trên, bà L1 đều có viết giấy tay nhận nợ và ký tên. Dù trong giấy nợ không ghi lãi suất nhưng khi vay hai bên đều có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay thì khi nào cần lấy lại, bà báo trước cho bà L1 vài ngày. Sau khi vay, bà L1 trả lãi đến tháng 4/2022 được khoảng 9.500.000 đồng thì ngưng. Bà

nhiều lần yêu cầu bà L1 trả nợ vốn nhưng bà L1 trốn tránh không trả nên bà khởi kiện. Nay bà yêu cầu bà L1 trả tổng số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, không yêu cầu bà L1 trả lãi. Về thời gian trả: thực hiện trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị L1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản cần được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn bà L cung cấp gồm: 03 biên nhận nợ đề các ngày 15/9/2021, ngày 29/10/2021 và ngày 05/11/2021 do bà L1 viết và ký tên nhận nợ có nội dung bà L1 có vay tiền của bà L 03 lần với tổng số tiền 50.000.000 đồng như bà L trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L1 vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đối chiếu với quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như bị đơn đã tự từ bỏ quyền chứng minh và mặc nhiên thừa nhận các tình tiết và tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, căn cứ vào 03 biên nhận nợ nêu trên thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà L1 có mượn bà L số tiền 50.000.000 đồng đến nay chưa trả nên việc bà L kiện đòi là hoàn toàn có

căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

- Về tiền lãi: Nguyên đơn xác định cả 03 khoản vay trên thì hai bên đều thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và bà L1 có trả lãi cho bà được khoảng 9.500.000 đồng. Mức lãi suất này cao hơn mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn không nhớ cụ thể việc bị đơn thanh toán tiền lãi và cũng không yêu cầu giải quyết về tiền lãi, bị đơn cũng không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét để tính lại số tiền lãi đã trả. Nếu sau này hai bên phát sinh tranh chấp về tiền lãi của 03 khoản vay này thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong vụ án khác.

- Về thời hạn trả: Bà L1 phải có trách nhiệm trả tiền cho bà L 01 lần, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Do sau khi vay, bà L1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 2.500.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: - Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L. Buộc bà Phạm Thị L1 có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ vốn vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thực hiện trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng.

- Hoàn lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0028204 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Bích Thiên